

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 8 năm 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố

B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Ngọc Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Th1 , sinh năm 1983. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 41, khu phố XD , thị trấn BS , huyện NT , tỉnh Thanh Hoá.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị H1 , sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 7, khu 34, xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Nguyễn Ngọc Th1 trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Ngô Thị H1 kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn BS , huyện NT , tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03/10/2019. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đến với

nhau. Sau ngày cưới, chị H1 về nhà anh làm dâu, chung sống được 3,4 tháng thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ đầu năm 2020, anh và chị H1 sống ly thân với nhau. Hiện nay, chị H1 đã về sinh sống tại tổ 7, khu 34, xã SM, thành phố B. Anh chị đã cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin ly hôn chị Ngô Thị H1.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là chị Ngô Thị H1 trình bày:* Chị H1 trình bày về nội dung quan hệ hôn nhân như anh Th1 đã trình bày. Chị xác định vợ chồng chị có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh Th1 xin ly hôn chị, chị đồng ý. Về con chung: Chị và anh Th1 không có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản làm việc của Tòa án ngày 22/6/2022 đối với bà Nguyễn Thị Mai là mẹ đẻ của anh Th1 cung cấp như sau:* Anh Th1, chị H1 có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị H1 về làm dâu nhà chồng, anh Th1 và chị H1 chung sống với nhau được khoảng thời gian 1, 2 tháng thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do suy nghĩ và quan điểm sống của anh Th1, chị H1 khác nhau nên bất đồng quan điểm. Đến đầu năm 2020, chị H1 tự ý bỏ về quê ở tỉnh Bắc Giang sinh sống không quay lại nhà bà nữa. Bà Mai cũng cho biết anh Th1, chị H1 không có con chung. Bà đề nghị Tòa án cho anh Th1 được ly hôn chị Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Ngọc Th1 được ly hôn với chị Ngô Thị H1 .

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công nợ : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Th1 phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Ngô Thị H1 có địa chỉ tại tổ 7, khu 34, xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án giải quyết về việc “Ly hôn” giữa anh Th1 và chị H1 là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Th1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị H1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh Th1 và chị Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th1 , chị H1 kết hôn ngày 03/10/2019 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BS , huyện NT , tỉnh Thanh Hóa và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh Th1 và chị H1 đều thừa nhận hai vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Anh Th1 , chị H1 đã sống ly thân thời gian dài, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hòa giải đoàn tụ gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của anh Th1 và xử cho anh Th1 được ly hôn chị H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Th1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc Th1 được ly hôn chị Ngô Thị H1 .

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc Th1 phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác định anh Th1 đã nộp đủ số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu số 0001552 ngày 23 năm 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND thị trấn BS , huyện NT , tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Dương Đình Hưng

